BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
**TRƯỜNG ĐH HÀNG HẢI VIỆT NAM**
Số: 10/TTr&ĐBCL

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
*Hải Phòng, ngày 25 tháng 7 năm 2022*

# KẾT QUẢ ĐIỂM PHÚC KHẢO HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022

| STT | Đơn vị tổ chức thi | Mã SV | Họ và tên | Lớp | Mã HP | Tên học phần | Phách | Điểm cũ (Y) | Điểm PK (Y) | Lý do thay đổi |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phòng TTr&ĐBCL | 88968 | Vũ Thị Quyên | KTB61CL | 19201H | Tư tưởng Hồ Chí Minh (N03) | 339 | 2 | 5 | CBChT vào điểm sót |
| 2 | | 93360 | Lê Ngọc Linh | LQC62ĐH | 19401 | Kinh tế chính trị (N04) | 1103 | 2 | 8 | CBChT vào nhầm điểm |
| 3 | | 77779 | Ngô Đức Ngọc Hà | ĐTĐ59ĐH | 25102 | Anh văn cơ bản 2 (N05) | 812 | 3.8 | 4 | CBChT cộng nhầm điểm |
| 4 | Khoa Hàng hải | 83885 | Cao Thị Hương Mai | LHH60ĐH | 11449 | PL quốc tế về an toàn hàng hải (N04) | | 6 | 7.5 | Cộng nhầm điểm |
| 5 | | 84959 | Trần Thị Phương Thảo | LHH60ĐH | 11449 | PL quốc tế về an toàn hàng hải (N04) | | 5 | 5.5 | Cộng nhầm điểm |
| 6 | Khoa Điện - Điện tử | 89171 | Hoàng Tri Hậu | MCN61ĐH | 13476 | Kỹ thuật điện (N01) | | 2.5 | 4.5 | Nhập thiếu điểm |
| 7 | Khoa Kinh tế | 80109 | Nguyễn Thu Trang | KTB59ĐH | 15117 | Nguyên lý thống kê (N20) | 513 | 5.5 | 6 | Cộng nhầm điểm |
| 8 | | 92903 | Vũ Thị Chinh | LQC62ĐH | 15117 | Nguyên lý thống kê (N17) | 1638 | 5 | 10 | Chấm nhầm đề |
| 9 | | 93046 | Phạm Quang Huy | LQC62ĐH | 15117 | Nguyên lý thống kê (N01) | 1647 | 7.5 | 8.5 | Cộng nhầm điểm |
| 10 | | 84496 | Trịnh Thị Mai Phương | KTN60ĐH | 15610 | Nghiệp vụ hải quan (N05) | 103 | 9 | 9.5 | Chấm sót |
| 11 | | 78529 | Nguyễn Trọng Kim | KTN59ĐH | 15635 | Giao dịch thương mại quốc tế (N07) | 939 | 3 | 4.3 | Chấm sai mã đề |
| 12 | | 84778 | Vũ Thị Thắm | KTB61ĐH | 15635 | Giao dịch thương mại quốc tế (N07) | 711 | 3.3 | 5.5 | Chấm sai mã đề |
| 13 | | 87357 | Lê Quỳnh Ánh | LQC61ĐH | 15635 | Giao dịch thương mại quốc tế (N17) | 345 | 5.3 | 7.3 | Xếp nhầm bài phách |
| 14 | | 87552 | Lê Thị Thu Thảo | KTN61ĐH | 15635 | Giao dịch thương mại quốc tế (N12) | 346 | 7.3 | 5.3 | Xếp nhầm bài phách |
| 15 | | 86805 | Phạm Thu Trang | KTN61ĐH | 15640 | Quan hệ kinh tế quốc tế (N01) | 222 | 6.5 | 6.8 | Đếm thiếu |
| 16 | | 82923 | Đoàn Đắc Hải | LQC60ĐH | 15804 | Logistics vận tải (N04) | 227 | 7.5 | 7.8 | Cộng sót điểm |
| 17 | | 83745 | Trần Khánh Linh | LQC60ĐH | 15814 | Logistics dịch vụ (N04) | 120 | 6.2 | 7.2 | Cộng sót điểm |
| 18 | | 82908 | Trần Thị Hải Hà | LQC60ĐH | 15816 | Marketing Logistics (N04) | 422 | 4 | 4.5 | Bổ sung ví dụ phù hợp |
| 19 | | 83643 | Phạm Thị Ngọc Lan | LQC60ĐH | 15816 | Marketing Logistics (N06) | 428 | 5.5 | 7 | Cộng thiếu điểm |
| 20 | | 85031 | Nguyễn Thị Minh Thu | LQC60ĐH | 15816 | Marketing Logistics (N03) | 342 | 4.5 | 8 | Cộng sót điểm |
| 21 | | 86901 | Nguyễn Phương Thảo | LQC61ĐH | 15818 | Tổng quan Logistics và CCƯ (N04) | 426 | 7 | 9 | Cộng sót điểm |
| 22 | | 87425 | Đào Thị Mai Chi | LQC61ĐH | 15818 | Tổng quan Logistics và CCƯ (N06) | 1111 | 6.8 | 8.8 | Cộng sót điểm |
| 23 | | 82327 | Ngô Thị Thanh Bình | ATM60ĐH | 15617E | Tín dụng và tài trợ thương mại (N03) | 141 | 2.8 | 4.5 | Chấm sai mã đề |
| 24 | Viện Cơ khí | 89947 | Vũ Hữu Việt | CĐT61ĐH | 22502 | Kỹ thuật gia công cơ khí (N09) | 5 | 3 | 4 | Cộng nhầm điểm |
| 25 | | 89584 | Nguyễn Hữu Viết | KCK61ĐH | 22645 | Cơ sở thiết kế máy (N01) | 23a | 2 | 4.5 | Chấm sót câu |
| 26 | Viện Môi trường | 92932 | Trịnh Ngọc Thuỷ | KTN62ĐH | 26101 | Môi trường và bảo vệ môi trường (N25) | 1211 | 7.5 | 7.6 | Chấm sót một câu |
| 27 | | 82922 | Đỗ Thị Thu Hải | KMT60ĐH | 26118 | Kỹ thuật xử lí nước và nước thải (N01) | 121 | 6 | 8 | Chấm sót một câu |
| 28 | | 93470 | Phạm Việt Bách | KMT62ĐH | 26210 | Hóa vô cơ 1 (N05) | 327 | 5.2 | 8.4 | Chấm nhầm mã đề từ câu 1 đến 25 |
| 29 | | 93520 | Đoàn Thị Xuân Yến | KMT62ĐH | 26210 | Hóa vô cơ 1 (N02) | 221 | 2 | 5 | Nhập nhầm điểm |

| STT | Đơn vị tổ chức thi | Mã SV | Họ và tên | Lớp | Mã HP | Tên học phần | Phách | Điểm cũ (Y) | Điểm PK (Y) | Lý do thay đổi |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 30 | Khoa Quản trị - Tài chính | 86928 | Trịnh Thu Trang | TCH61ĐH | 28103 | Thị trường chứng khoán | 646 | 2.2 | 5.4 | Sinh viên ghi sai mã đề |
| 31 | | 84837 | Nguyễn Thị Thanh | LQC60ĐH | 28205 | Quản trị nhân lực | 111 | 5.5 | 7 | Cộng sót điểm thành phần |
| 32 | | 88462 | Vũ Thị Phương Anh | TCH61ĐH | 28309 | Toán tài chính | 420 | 3.7 | 5.7 | Chấm nhầm mã đề |
| 33 | | 89375 | Đặng Thanh Nga | QKT61ĐH | 28309 | Toán tài chính | 501 | 3.6 | 4.8 | Cộng nhầm điểm |
| 34 | | 82289 | Vũ Ngọc Ánh | QKT60ĐH | 28311 | Tài chính quốc tế | 101 | 7.8 | 9.8 | Cộng nhầm điểm |
| 35 | | 82954 | Đinh Thị Minh Hằng | QKT60ĐH | 28312 | Nghiệp vụ thuế | 250 | 1.6 | 5 | Chấm nhầm mã đề |
| 36 | | 83006 | Nguyễn Thị Hảo | QKT60ĐH | 28312 | Nghiệp vụ thuế | 346 | 3.6 | 7.8 | Chấm nhầm mã đề |
| 37 | | 83012 | Nguyễn Thị Trung Hậu | QKT60ĐH | 28312 | Nghiệp vụ thuế | 345 | 3.4 | 8.8 | Chấm nhầm mã đề |
| 38 | | 83644 | Trần Thị Lan | TCH60ĐH | 28312 | Nghiệp vụ thuế | 224 | 3.1 | 4.5 | Cộng thiếu điểm |
| 39 | | 89069 | Mai Đức Quý | QKT61ĐH | 28327 | Nguyên lí bảo hiểm | 711 | 3.4 | 6.4 | Chấm nhầm mã đề |
| 40 | Viện ĐT CLC | 86243 | Phạm Trọng Đức | KTB61CL | 15105H | Kinh tế lượng (N05) | | 4 | 7 | GV vào nhầm điểm |
| 41 | | 89986 | Đào Thị Nguyệt | KTB61CL | 15301H | Địa lý vận tải (N01) | 312 | 3 | 5.6 | Nhầm số câu đúng |
| 42 | | 85506 | Lê Thảo Vân | KTN60CL | 15633H | Chính sách TM quốc tế (N01) | 126 | 9 | 9.3 | GV đếm nhầm số câu |
| 43 | | 88225 | Lê Như Quyên | KTN61CL | 15818H | Tổng quan Logistics và CCU (N01) | 104 | 6.6 | 8.6 | Cộng sót |
| 44 | | 78301 | Trần Thị Thu Hương | KTN59CL | 26101H | Môi trường và bảo vệ môi trường (N31) | 108 | 5.8 | 7 | Chấm nhầm mã đề |
| 45 | | 82126 | Nguyễn Mai Anh | KTB60CL | 26101H | Môi trường và bảo vệ môi trường (N31) | 112 | 6.3 | 9.3 | Chấm nhầm mã đề |
| 46 | | 84226 | Nguyễn Thị Ngọc | KTN60CL | 26101H | Môi trường và bảo vệ môi trường (N31) | 111 | 4.9 | 6.5 | Chấm nhầm mã đề |
| 47 | | 84962 | Trịnh Thu Thảo | KTN60CL | 26101H | Môi trường và bảo vệ môi trường (N31) | 109 | 4.5 | 5.9 | Chấm nhầm mã đề |
| 48 | | 85110 | Nguyễn Thanh Thủy | KTN60CL | 26101H | Môi trường và bảo vệ môi trường (N31) | 107 | 6.1 | 8.1 | Chấm nhầm mã đề |
| 49 | | 94096 | Vũ Tiến Đạt | ĐTĐ62CL | 26101H | Môi trường và bảo vệ môi trường (N31) | 110 | 3.1 | 4.1 | Chấm nhầm mã đề |
| 50 | | 86635 | Phùng Như Quỳnh | KTN61CL | 28108H | Nguyên lý kế toán (N04) | 245 | 0.9 | 1.2 | Cộng sót |

Số lượt SV nộp đơn xin phúc khảo: 325
Số lượt bài có thay đổi điểm: 50

***Ghi chú:*** *Các sinh viên khác không có thay đổi về điểm./.*

***Nơi nhận:***
- Ban Giám hiệu;
- Các Khoa/Viện;
- Lưu: TTr&ĐBCL.

**TL. HIỆU TRƯỞNG**
**TRƯỞNG PHÒNG TTr&ĐBCL**

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

**TS. Nguyễn Thanh Sơn**